

Số: /BC-STNMT

Kon Tum, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước của Văn phòng Sở 6 tháng đầu năm 2021

Kính gửi: Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-UBND, ngày 10/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 4630/TB-STC, ngày 11/12/2020 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum về việc Thông báo chỉ tiêu hướng dẫn dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 38/STC-QLNS, ngày 11/01/2021 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum về dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-STNMT, ngày 13/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 cho Văn phòng Sở;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-STNMT, ngày 11/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của 02 đơn vị dự toán trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Sở Tài nguyên và Môi trường Báo cáo tình hình công khai tài chính 06 tháng đầu năm 2021 (tính đến thời điểm 30/6/2021) với các nội dung cụ thể như sau:

A. Công khai tài chính 6 tháng đầu năm 2021:

I. Nguồn thu phí, lệ phí:

1. Nguồn phí, lệ phí trích để lại năm 2020 chuyển sang năm 2021:
202.204.944 đồng. Trong đó:

- Tài khoản tiền gửi (3712.2.1049271): 20.125.072 đồng (1).
- Tiền mặt tại đơn vị: 180.316.030 đồng (2).

2. Nguồn thu phí, lệ phí 6 tháng đầu năm 2021:

Thực hiện Quyết định số 626/QĐ-STNMT ngày 30/9/2020, kể từ ngày 05/10/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường áp dụng hình thức biên lai điện tử và thu phí, lệ phí qua tài khoản số 016255614 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

Do đó, toàn bộ số tiền phí, lệ phí của Văn phòng Sở đều thu qua tài khoản ngân hàng sau đó được chuyển vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc, đơn vị không thu phí, lệ phí bằng tiền mặt.

2.1. Tổng thu phí, lệ phí 6 tháng đầu năm 2021: Tính đến ngày 30/6/2021, tổng số thu phí và lệ phí với số tiền là: 614.120.661 đồng. Trong đó:

- + Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp: 144.200.661 đồng.
- + Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 326.100.000 đồng.
- + Phí Thẩm định đề án tài nguyên nước: 9.200.000 đồng
- + Lệ phí khai thác khoáng sản: 72.500.000 đồng
- + Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản: 40.000.000 đồng
- + Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: 10.120.000 đồng.
- + Phí thẩm định hồ sơ cấp GCNQSD đất: 12.000.000 đồng.

2.2. Nộp NSNN với số tiền là: 203.070.496 đồng.

2.3. Số tiền phí và lệ phí được trích để lại là: 411.050.165 đồng (*Tài khoản tiền gửi 3712.2.1049271 tại kho bạc*) (3).

3. Nguồn kinh phí điều chuyển từ Chi cục Quản lý đất đai và Chi cục Bảo vệ Môi trường sang Văn phòng Sở (*tại Quyết định số 394/QĐ-STNMT, ngày 11/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường*): 567486280 đồng, trong đó:

3.1. Điều chỉnh từ dự toán tiền gửi : 564.965.650 đồng (4), :

- Từ Chi cục Bảo vệ môi trường: 557.165.650 đồng.
- Từ Chi cục Quản lý đất đai: 7.800.000 đồng.

3.2. Tiền mặt: 2.520.630 đồng (5):

- Từ Chi cục Bảo vệ môi trường: 120.630 đồng.
- Từ Chi cục Quản lý đất đai: 2.400.000 đồng.

4. Tổng nguồn phí, lệ phí được sử dụng năm: 1.176.456.917 đồng. Trong đó:

- Tài khoản tiền gửi (3712.2.1049271) (1+3+4): 996.140.887 đồng.
- Tiền mặt tại đơn vị (2+5): 182.836.660 đồng.

5. Kinh phí đã sử dụng từ nguồn phí trích để lại: Tính đến 30/6/2021, tổng số tiền đã sử dụng từ nguồn phí, lệ phí:

4.1 Thực chi: 125.217.380 đồng. Trong đó:

- Chi từ tài khoản tiền gửi: 122.887.380 đồng.
 - + Thanh toán tiền điện, nước, điện thoại, internet: 21.433.980 đồng.
 - + Khoán tiền văn phòng phẩm quý 1+2/2021 cho các phòng: 10.400.000 đồng.
 - + Thanh toán tiền mua bảo hiểm xe ô tô biển số 82B-0522: 6.847.400 đồng.
 - + Thanh toán chế độ cho các thành viên Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường: 67.950.000 đồng.
 - + Thanh toán chế độ kiểm soát TTHC quý 1/2021: 3.420.000 đồng.
 - + Chi CNTT cho nữ công chức cơ quan nhân ngày 08/3/2021: 4.500.000 đồng.

- + Mua quà tặng thôn Plei Sar, Lâm Tùng: 3.000.000 đồng.
- + Chi khác (in băng rôn, nước uống, mua báo,...): 5.336.000 đồng.
- Chi từ tiền mặt tại đơn vị: 2.330.000 đồng.
- + Mua công cụ dụng cụ: 700.000 đồng.
- + Nộp tiền vào TK số 5100201011285 (Tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản) để duy trì hoạt động: 1.000.000 đồng.
- + Nộp tiền đăng tin trên báo đấu thầu: 352.000 đồng.
- + Thanh toán cước gửi văn bản đi: 278.000 đồng.
- 4.2 Tạm ứng chi hoạt động thường xuyên: 180.506.660 đồng .

5. Kinh phí còn tồn: 873.253.507 đồng. Trong đó:

- Tài khoản tiền gửi: 873.253.507 đồng.
- Tiền mặt tại đơn vị: 0 đồng.

II. Nguồn kinh phí chi hoạt động bộ máy quản lý:

1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13+ nguồn 14 - 341):

1.1 Tổng dự toán ngân sách nhà nước cấp năm 2021 số tiền: 6.086 triệu đồng.

Trong đó:

- Dự toán giao cho Văn phòng Sở tại Quyết định số 45/QĐ-STNMT ngày 13/01/2021: 4.295 triệu đồng ⁽¹⁾.

- Giải thể Chi cục Quản lý đất đai và Chi cục Bảo vệ Môi trường hình thành Phòng QHKHSD đất; Phòng Môi trường do sắp xếp bộ máy, theo Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2021, do đó điều chỉnh kinh phí của 02 Chi cục sang Văn phòng Sở (tại Quyết định số 394/QĐ-STNMT, ngày 11/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của 02 đơn vị dự toán trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) số tiền là: 1.791 triệu đồng ⁽²⁾.

1.2 Tổng kinh phí đã giải ngân tính đến 30/6/2021: 3.208.173.766 đồng (Trong đó: Từ ngày 01/01/2021 đến 30/3/2021, Chi cục Quản lý đất đai đã giải ngân số tiền 384.106.970 đồng, Chi cục Bảo vệ môi trường đã giải ngân số tiền 169.359.562 đồng).

* Chi tiết các nội dung chi như sau:

| | |
|---|--------------------|
| + Thanh toán tiền lương (Mục 6000): | 1.497.708.080 đồng |
| + Thanh toán tiền công LĐHHĐ theo NĐ 68 (Mục 6050): | 104.253.810 đồng |
| + Thanh toán các khoản phụ cấp (Mục 6100): | 661.338.423 đồng |
| + Chi khen thưởng (Mục 6200): | 49.170.000 đồng |
| + Chi TNTT nhân ngày lễ, Tết (Mục 6299, 6404): | 165.776.000 đồng |
| + Thanh toán BHXH, YT, TN và KPCĐ (Mục 6300): | 389.124.283 đồng |
| + Thanh toán tiền điện, nước, xăng xe (Mục 6500): | 58.401.842 đồng |

⁽¹⁾ Nguồn kinh phí tự chủ (13): 3.996 triệu đồng. Nguồn kinh phí cải cách tiền lương (14): 407 triệu đồng. Giảm trừ nguồn cải cách tiền lương theo QĐ số 1259/QĐ-UBND ngày 16/12/2020: 108 triệu đồng.

⁽²⁾ Điều chỉnh dự toán giao đầu năm 2021 của Chi cục Bảo vệ Môi trường về Văn phòng Sở số tiền 616 triệu đồng. Điều chỉnh dự toán giao đầu năm 2021 của Chi cục Quản lý đất đai về Văn phòng Sở số tiền 1.175 triệu đồng (Trong đó: Đã giảm trừ nguồn cải cách tiền lương theo QĐ số 1259/QĐ-UBND ngày 16/12/2020: 17 triệu đồng).

+ Thanh toán tiền vật tư, VPP (Mục 6550): 50.392.400 đồng
 + Thanh toán tiền điện thoại, Internet, chứng thư số (Mục 6600): 14.462.966 đồng
 + Thanh toán công tác phí (Mục 6700): 68.402.000 đồng
 + Thanh toán tiền công hợp đồng, bảo vệ (Mục 6750): 103.963.962 đồng.
(Trong đó: Chi cục Quản lý đất đai chi trả tiền công cho 03 cán bộ hợp đồng với số tiền 78.613.562 đồng, Văn phòng Sở chi trả tiền công bảo vệ cơ quan với số tiền 25.350.400 đồng).

+ Thanh toán tiền sửa chữa xe ô tô (Mục 6901): 29.550.000 đồng
 + Thanh toán tiền sửa chữa thiết bị tin học (Mục 6912): 3.600.000 đồng
 + Thanh toán tiền rà soát THHC, giải quyết đơn thư (Mục 7000): 12.030.000 đồng

1.3. Kinh phí còn tồn đến hết ngày 30/6/2021: 2.895.848.234 đồng. Trong đó:
 - Tồn tại Kho bạc nhà nước tỉnh Kon Tum: 2.877.826.234 đồng.
 - Tồn quỹ tiền mặt đã tạm ứng chi công tác phí nhưng chưa chi: 18.022.000 đồng.

2. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12 - 341):

- Dự toán năm 2020 chuyển sang năm 2021: 2.224.354 đồng.
 - Dự toán giao đầu năm 2021 tại Quyết định số 45/QĐ-STNMT ngày 13/01/2021: 199.000.000 đồng⁽³⁾.
 - Tổng số kinh phí được sử dụng năm 2021: 201.224.354 đồng.
 - Kinh phí đã giải ngân tính đến 30/6/2021: 16.000.000 đồng. *Trong đó:*
 + Chi hỗ trợ Ngày hội Bánh chưng xanh: 5.000.000 đồng.
 + Tặng quà, chúc tết gia đình chính sách và Đoàn BP kết nghĩa: 10.000.000 đồng.
 + Chi ủng hộ Quỹ vắc xin Covid-19 thôn kết nghĩa Vác A Nhoong: 1.000.000 đồng
 - Kinh phí còn tồn đến hết ngày 30/6/2020: 185.224.354 đồng.

III. Nguồn kinh phí Sự nghiệp kinh tế - địa chính (Nguồn 12 - 332):

1. Dự toán năm 2020 chuyển sang năm 2021: 42.013.800.000 đồng. Trong đó:

- Kinh phí đo đạc, lập bản đồ địa chính, cắm mốc ranh giới sử dụng đất và cấp GCN QSD đất của các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh: 5.932.800.000 đồng *(Theo QĐ số 25/QĐ-STNMT ngày 12/01/2021 và QĐ số 113/QĐ-STNMT ngày 28/01/2021).*

- Kinh phí thực hiện dự án đo đạc xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum (giai đoạn 2018-2025): 35.781.000.000 đồng. Trong đó:

+ Số dư dự toán: 13.845.000.000 đồng *(Theo QĐ số 25/QĐ-STNMT ngày 12/01/2021).*

+ Số dư tạm ứng: 21.936.000.000 đồng.

- Lập kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 –2025 tỉnh Kon Tum: 300.000.000 đồng.

⁽³⁾ Hỗ trợ kinh phí thực hiện NQ 04/TU: 19 trđ, Kinh phí chỉnh lý tài liệu tồn đọng: 180 trđ.

2. Dự toán giao trong năm 2021: 15.211.000.000 đồng.
- Dự toán giao đầu năm 2021: 12.847.000.000 đồng (*Theo Quyết định số 45/QĐ-STNMT ngày 13/01/2021*).
 - Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp địa chính của Chi cục Quản lý đất đai về Văn phòng Sở do sáp nhập: 51.000.000 đồng (*Theo Quyết định số 394/QĐ-STNMT ngày 11/5/2021*).
 - Dự toán bổ sung trong năm: 2.313.000.000 đồng (*Theo Quyết định số 609/QĐ-STNMT ngày 02/7/2021*).

3. Tổng dự toán được sử dụng năm 2021: 57.224.800.000 đồng (*Trong đó: Kinh phí đã tạm ứng cho các đơn vị tư vấn, thi công năm 2020 nhưng chưa hoàn ứng: 21.936.000.000 đồng*).

4. Kinh phí đã giải ngân tính đến 30/6/2021: 27.073.853.000 đồng.

4.1 Thực chi: 5.137.853.000 đồng. Trong đó:

- + Dự án tổng thể đo đạc lập BĐĐC, đăng ký cấp GCN QSD đất và xây dựng CSDL đất đai giai đoạn (2008-2017): 2.655.178.000 đồng.
- + Dự án tổng thể đo đạc lập BĐĐC, đăng ký cấp GCN QSD đất và xây dựng CSDL đất đai giai đoạn (2017-2025): 1.737.000.000 đồng.
- + Kinh phí tuyên truyền, lấy và phân tích mẫu nước, tập huấn tuyên truyền: 79.320.000 đồng.

- + Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai kỳ đầu tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015 -2020: 665.005.000 đồng.

- + Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực quản lý: 1.350.000 đồng.

4.2 Tạm ứng: 21.936.000.000 đồng. Trong đó:

- + Dự án tổng thể đo đạc lập BĐĐC, đăng ký cấp GCN QSD đất và xây dựng CSDL đất đai giai đoạn (2017-2025): 21.936.000.000 đồng.

5. Số tiền đã cam kết chi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh: 17.906.460.000 đồng.

6. Kinh phí còn tồn đến hết ngày 30/6/2021: 12.244.487.000 đồng.

IV. Nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (Nguồn 12 - 251):

1. Dự toán năm 2020 chuyển sang năm 2021: 11.777.000 đồng. Trong đó:

- Lập danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Kon Tum: 11.777.000 đồng.

2. Dự toán giao trong năm 2021: 1.710.000.000 đồng.

- Dự toán giao đầu năm 2021: 1.231.000.000 đồng (*Theo Quyết định số 45/QĐ-STNMT ngày 13/01/2021*).

- Bổ sung dự toán chi Sự nghiệp bảo vệ môi trường cho Văn phòng Sở : 150.000.000 đồng (*Theo Quyết định số 241/QĐ-STNMT ngày 22/3/2021*).

- Điều chỉnh giảm dự toán chi Sự nghiệp bảo vệ môi trường của Văn phòng Sở để bổ sung cho Trung tâm CNTT: 231.000.000 đồng (*Theo Quyết định số 242/QĐ-STNMT ngày 22/3/2021*).

- Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp môi trường của Chi cục Bảo vệ môi trường về Văn phòng Sở do sáp nhập: 560.000.000 đồng (*Theo Quyết định số 394/QĐ-STNMT ngày 11/5/2021*).

3. Tổng dự toán được sử dụng năm 2021: 1.721.777.000 đồng

4. Kinh phí đã giải ngân tính đến 30/6/2021: 159.920.000 đồng.

- Hỗ trợ UBNDTTQVN và các đoàn thể thực hiện chương trình phối hợp liên tịch: 85.000.000 đồng.

- Tổ chức các hoạt động tập huấn chuyên môn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT, đa dạng sinh học, ứng phó với BĐKH: 74.920.000 đồng.

5. Kinh phí còn tồn đến hết ngày 30/6/2021: 1.561.857.000 đồng.

V. Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng:

1. Tài khoản số 5100201011285 (Tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản):

1.1 Số tiền năm 2020 chuyển sang năm 2021: 72.075 đồng.

1.2 Số phát sinh tăng từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021: 1.000.266 đồng.

Trong đó:

+ Các tổ chức, cá nhân nộp tiền đặt trước: 0 đồng.

+ Nộp tiền để duy trì hoạt động của tài khoản : 1.000.000 đồng.

+ Lãi tiền gửi: 266 đồng.

1.3 Số phát sinh giảm từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021: 94.075 đồng.

Trong đó :

+ Hoàn trả tiền đặt trước và nộp vào NSNN cho tổ chức trúng đấu giá: 0 đồng.

+ Phí quản lý tài khoản: 94.075 đồng.

1.4 Số tiền còn tồn đến hết ngày 30/6/2021: 978.266 đồng.

2. Tài khoản số 5100201010361 (Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản):

2.1 Số tiền năm 2020 chuyển sang năm 2021: 20.127.954.982 đồng.

2.2 Số phát sinh tăng từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021: 1.179.922.166 đồng. Trong đó:

+ Các tổ chức, cá nhân nộp tiền ký quỹ: 1.159.497.508 đồng (*Trong đó : Công ty TNHH Tinh bột sắn Tây nguyên Đắk Hà nộp nhằm tài khoản đối với phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp số tiền 7.663.153 đồng*).

+ Lãi tiền gửi: 20.424.658 đồng.

2.3 Số phát sinh giảm từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021: 107.817.153 đồng.

Trong đó:

+ Hoàn trả tiền ký quỹ: 107.685.153 đồng (*Trong đó: Hoàn trả tiền do Công ty TNHH Tinh bột sắn Tây nguyên Đắk Hà nộp nhằm tài khoản số tiền 7.674.153 đồng*).

+ Phí quản lý tài khoản: 132.000 đồng.

2.4. Số tiền còn tồn đến hết ngày 30/6/2021: 21.200.059.995 đồng.

Trên đây là nội dung Báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 của Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường; Kính trình Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy Sở (B/c);
- Ban Giám đốc Sở (B/c);
- Công đoàn Sở (B/c);
- Trung tâm CNTT TN&MT (Đưa tin);
- Lưu VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Lộc